

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
1	半導體與光電科技系	梁○堃	L*C QUYEN
2	半導體與光電科技系	梁○泰	L* THAI
3	半導體與光電科技系	梅○明光	M*MINH QUANG
4	半導體與光電科技系	阮○輝	N*OC HUY
5	半導體與光電科技系	農○嬌征	N*KIEU CHINH
6	半導體與光電科技系	申○好	T*HAO
7	半導體與光電科技系	杜○草	D*HAO
8	半導體與光電科技系	團○雪英	D*TUYET ANH
9	半導體與光電科技系	何○紅兒	H*NG NHI
10	半導體與光電科技系	阮○碧銀	N*I BICH NGAN
11	半導體與光電科技系	阮○玲	N*UY LINH
12	半導體與光電科技系	范○德	P*G DUC
13	半導體與光電科技系	唐○傑	T* KIET
14	半導體與光電科技系	鄭○名	T*G DANH
15	半導體與光電科技系	武○傑	V*ET
16	半導體與光電科技系	武○薇	V*
17	半導體與光電科技系	阮○北	N*AN BAC
18	半導體與光電科技系	范○忠孝	P*TRUNG HIEU
19	半導體與光電科技系	范○懷裳	P*HOAI THUONG
20	半導體與光電科技系	阮○進	N*NH TIEN
21	半導體與光電科技系	楊○日	D*NH NHAT
22	半導體與光電科技系	黎○明	L*MINH
23	半導體與光電科技系	梅○嬌	M*KIEU
24	半導體與光電科技系	阮○如瓊	N*OC NHU QUYNH
25	半導體與光電科技系	阮○顯	N*AN HIEN
26	半導體與光電科技系	阮○線	N*N TUYEN
27	半導體與光電科技系	范○英	P* ANH

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
28	半導體與光電科技系	曾○泰	T*H THAI
29	半導體與光電科技系	陳○娥	T* NGA
30	半導體與光電科技系	謝○青草	T*ANH THAO
31	半導體與光電科技系	阮○海燕	N* I HAI YEN
32	半導體與光電科技系	潭○嬌鶯	D* IEU OANH
33	半導體與光電科技系	趙○榮	T*C VINH
34	半導體與光電科技系	阮○煌	N* HOANG
35	半導體與光電科技系	阮○晉	N*ONG TAN
36	半導體與光電科技系	梅○祿	M*LOC
37	半導體與光電科技系	阮○文	N*H VAN
38	半導體與光電科技系	阮○德	N*NH DUC
39	半導體與光電科技系	范○雄	P* HUNG
40	資訊工程系	陳○帆	T* PHAM
41	資訊工程系	鄧○軍	D*QUAN
42	資訊工程系	黃○興	H*NH HUNG
43	資訊工程系	黃○秋妝	H* THU TRANG
44	資訊工程系	黎○雄	L*UNG
45	資訊工程系	林○嶺	L*Y
46	資訊工程系	阮○芳	N*U PHUONG
47	資訊工程系	阮○文	N*NG VAN
48	資訊工程系	阮○越	N*OC VIET
49	資訊工程系	阮○橫	N*N HOANH
50	資訊工程系	廣○南	Q*NG NAM
51	資訊工程系	武○莊	V*RANG
52	資訊工程系	羅○南	L*M
53	資訊工程系	楊○俊	D* TUAN
54	資訊工程系	河○草	H*AO

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
55	資訊工程系	黃○垂莊	H* THUY TRANG
56	資訊工程系	范○勝	P* THANG
57	資訊工程系	阮○功	N* I CONG
58	資訊工程系	范○紅菊	P* HONG CUC
59	資訊工程系	胡○平康	H* NH KHANG
60	資訊工程系	泰○阮	T* NGUYEN
61	資訊工程系	黃○芳草	H* PHUONG THAO
62	資訊工程系	阮○成	N* N THANH
63	資訊工程系	阮○英書	N* I ANH THU
64	資訊工程系	阮○芳	N* I PHUONG
65	資訊工程系	趙○光	T* QUANG
66	應用材料科技系	阮○光	N* NH QUANG
67	應用材料科技系	黃○決	H* QUYET
68	應用材料科技系	羅○璃	L* LY
69	機械工程系	楊○福	G* NG PHU
70	機械工程系	黎○嘉豐	L* A PHONG
71	機械工程系	丁○維	D* DUY
72	機械工程系	杜○輝	D* UY
73	機械工程系	阮○炤	N* NH CHIEU
74	機械工程系	黃○忠	H* T TRUNG
75	機械工程系	黃○明	H* T MINH
76	機械工程系	阮○風	N* M PHONG
77	機械工程系	關○發	Q* G PHAT
78	電機工程系	裴○揚	B* DUONG
79	電機工程系	阮○陽	N* H DUONG
80	電機工程系	潘○維	P* DUY
81	電機工程系	黃○光	H* QUANG

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
82	電機工程系	陳○孟	T*MANH
83	電機工程系	阮○忠	N*OC TRUNG
84	電機工程系	阮○善	N*AC THIEN
85	電機工程系	黎○生	L*NH
86	電機工程系	胡○達	H*DAT
87	電子工程系	黎○明	L*MINH
88	電子工程系	梁○平	L*U BINH
89	電子工程系	阮○康	N*Y KHANG
90	電子工程系	陸○當	L*ANG
91	電子工程系	阮○貴	N*N QUY
92	電子工程系	范○英	P* ANH
93	電子工程系	關○琳	Q*G LAM
94	電子工程系	陳○鈴	T* LINH
95	電子工程系	武○紅	V*NG
96	電子工程系	黎○安	L*AN
97	電子工程系	范○長	P* TRUONG
98	電子工程系	裴○營	B*DOANH
99	電子工程系	潘○逢	P* PHUNG
100	電子工程系	陳○幸	T* HANH
101	電子工程系	吳○慶	N*HANH
102	電子工程系	吳○水	N*HUY
103	電子工程系	黎○堅	L*EN
104	電子工程系	阮○新	N*AN TAN
105	電子工程系	謝○玲	T*NH
106	電子工程系	譚○荀	D*AN
107	電子工程系	譚○孟	D*ANH
108	電子工程系	裴○越	B*VIET

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
109	電子工程系	陳○慶	T* KHANH
110	電子工程系	阮○英	N*AI ANH
111	電子工程系	岑○北	S*BAC
112	電子工程系	梁○海	L*NG HAI
113	電子工程系	武○中孝	V*RUNG HIEU
114	電子工程系	阮○寶英	N* BAO ANH
115	電子工程系	楊○山	D*G SON
116	電子工程系	阮○英	N*ANG ANH
117	電子工程系	鄧○中	D* TRUNG
118	旅館管理與廚藝創意系	裴○梅玲	B*AI LINH
119	旅館管理與廚藝創意系	黎○映	L*H
120	旅館管理與廚藝創意系	黎○麗	*E
121	旅館管理與廚藝創意系	阮○聰	N*AI THONG
122	旅館管理與廚藝創意系	吳○清銀	N*HANH NGAN
123	旅館管理與廚藝創意系	潘○財	P*TAI
124	旅館管理與廚藝創意系	阮○愛雲	N*OC AI VAN
125	旅館管理與廚藝創意系	阮○友	N*ANG HUU
126	旅館管理與廚藝創意系	阮○河	N*I HA
127	旅館管理與廚藝創意系	鄧○玉雪	D*NGOC TUYET
128	旅館管理與廚藝創意系	楊○玉乖	D* NGOC NGOAN
129	旅館管理與廚藝創意系	黃○玉映	H* NGOC ANH
130	旅館管理與廚藝創意系	黎○玲	L*NH
131	旅館管理與廚藝創意系	阮○江	N*I GIANG
132	旅館管理與廚藝創意系	黎○秋水	L*U THUY
133	旅館管理與廚藝創意系	黎○水靜	L*UY TRINH
134	旅館管理與廚藝創意系	黎○詩	L*I
135	旅館管理與廚藝創意系	祿○藍	L* LAM

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
136	旅館管理與廚藝創意系	阮○翠薇	N* ANG THUY VY
137	旅館管理與廚藝創意系	阮○玄妙	N* I HUYEN DIU
138	旅館管理與廚藝創意系	阮○清泉	N* OC THANH TUYEN
139	旅館管理與廚藝創意系	阮○蘭英	N* I LAN ANH
140	旅館管理與廚藝創意系	阮○玲	N* I LINH
141	旅館管理與廚藝創意系	阮○茶媚	N* I TRA MY
142	旅館管理與廚藝創意系	阮○京交	N* AN KINH GIAO
143	旅館管理與廚藝創意系	范○金銀	P* KIM NGAN
144	旅館管理與廚藝創意系	陳○秋鴛	T* THU UYEN
145	旅館管理與廚藝創意系	微○香香	V* ONG THOM
146	旅館管理與廚藝創意系	武○錦瑤	V* M LY
147	旅館管理與廚藝創意系	桃○月	D* NGUYET
148	旅館管理與廚藝創意系	杜○雲	D* AN
149	旅館管理與廚藝創意系	杜○英	D* ANH
150	旅館管理與廚藝創意系	黃○花	H* HOA
151	旅館管理與廚藝創意系	良○灣	L* NH LOAN
152	旅館管理與廚藝創意系	阮○江銀	N* I GIANG NGAN
153	旅館管理與廚藝創意系	陳○華	T* HOA
154	旅館管理與廚藝創意系	陳○玉英	T* NGOC ANH
155	旅館管理與廚藝創意系	黃○香蘭	H* HUONG LAN
156	旅館管理與廚藝創意系	黃○燕兒	H* YEN NHI
157	旅館管理與廚藝創意系	阮○海	N* AN HAI
158	旅館管理與廚藝創意系	陳○紅玉	T* HONG NGOC
159	旅館管理與廚藝創意系	陳○秀鴛	T* TU UYEN
160	旅館管理與廚藝創意系	桃○芳梅	D* HUONG MAI
161	旅館管理與廚藝創意系	武○金銀	V* M NGAN
162	旅館管理與廚藝創意系	阮○紅絨	N* I HONG NHUNG

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
163	旅館管理與廚藝創意系	阮○和炳	N*N HOA BINH
164	旅館管理與廚藝創意系	陳○輝	T*G HUY
165	旅館管理與廚藝創意系	潘○玉梅	B*GOC MAI
166	旅館管理與廚藝創意系	高○娥	C*GA
167	旅館管理與廚藝創意系	丁○秋紅	D*THU HUONG
168	旅館管理與廚藝創意系	何○趙	H*IEU
169	旅館管理與廚藝創意系	張○玄梁	T*I HUYEN LUONG
170	旅館管理與廚藝創意系	羅○懷	L*AI
171	旅館管理與廚藝創意系	黎○青	L*NH
172	旅館管理與廚藝創意系	阮○紅	N*I HUONG
173	旅館管理與廚藝創意系	阮○蓮	N*I LIEN
174	旅館管理與廚藝創意系	阮○維	N* DUY
175	旅館管理與廚藝創意系	範○玄	P*H HUYEN
176	旅館管理與廚藝創意系	潘○成	P*THANH
177	旅館管理與廚藝創意系	馮○海燕	P* HAI YEN
178	旅館管理與廚藝創意系	韋○童	V*G
179	旅館管理與廚藝創意系	阮○珍	N*O CHAM
180	旅館管理與廚藝創意系	阮○絨	N*ANG NHUNG
181	旅館管理與廚藝創意系	許○越	H*VIET
182	旅館管理與廚藝創意系	何○緣	H*EN
183	旅館管理與廚藝創意系	武○玉平	V*OC BINH
184	旅館管理與廚藝創意系	陶○玉	D*NGOC
185	旅館管理與廚藝創意系	張○強	T*NH CUONG
186	旅館管理與廚藝創意系	阮○玉麗	N*I NGOC LE
187	旅館管理與廚藝創意系	阮○青玄	N*I THANH HUYEN
188	資訊管理系	黎○強	L*NG
189	資訊管理系	陳○草	T*NG THAO

明新學校財團法人明新科技大學
國際專修部 113學年度第1學期 錄取名單

備註：以下序號順序不代表錄取名次

序號 STT	系所名稱 Tên khoa	中文姓名 Tên tiếng trung	英文姓名 Tên tiếng anh
190	資訊管理系	丁○薇	D*I
191	資訊管理系	阮○水仙	N*I THUY TIEN
192	資訊管理系	陳○青	T* THANH
193	行銷與流通管理系	丁○慶玲	D*KHANH LINH
194	行銷與流通管理系	阮○明玉	N*I MINH NGOC
195	行銷與流通管理系	范○康	P*KHANG
196	行銷與流通管理系	黎○登	L*NG
197	行銷與流通管理系	朱○倫	C*AN
198	行銷與流通管理系	範○銀	P* NGAN
199	行銷與流通管理系	裴○南	B*AM
200	行銷與流通管理系	丁○懷玲	D*HOAI LINH
201	行銷與流通管理系	劉○欣	L*AN
202	行銷與流通管理系	李○傑	L* KIET
203	行銷與流通管理系	楊○州樂	D* CHAU LOAN
204	行銷與流通管理系	阮○富	N*O PHU
205	行銷與流通管理系	阮○越	N*OC VIET
206	行銷與流通管理系	阮○如	N*YNH NHU
207	行銷與流通管理系	阮○玄卿	N*I HUYEN KHANH
208	行銷與流通管理系	○氏慶玲	N*I KHANH LINH
209	行銷與流通管理系	阮○娣	N*I THIA
210	行銷與流通管理系	陳○茹瓊	T*NHU QUYNH
211	行銷與流通管理系	鄧○鶯	D*OANH
212	行銷與流通管理系	阮○蘭	N*I LAN